

**Tập 252**

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm chín mươi sáu:

**(Sao) Ước Hạnh, tắc báo hành thuần thực, trí minh u Lý, vô tướng, vô công, khoáng nhược hư không, trạm như đình hải, tâm thức vọng hoặc tịch nhiên bất khởi, phương viết Vô Sanh.**

**(鈔)約行，則報行純熟，智冥於理，無相無功，曠若虛空，湛如淨海，心識妄惑寂然不起，方曰無生。**

*(Sao: Xét theo Hạnh thì báo hành thuần thực, trí ngậm hợp Lý, chẳng có hình tướng, chẳng có công năng, thênh thang như hư không, êm ả như biển lặng, vọng hoặc trong tâm thức lặng yên chẳng dấy lên thì mới gọi là Vô Sanh).*

Lần trước, chúng tôi đã giảng đến chỗ này. Trong đoạn này, chúng ta hãy nên chú ý “báo hành thuần thực”. Đó là cảnh giới của Bát Địa Bồ Tát, chẳng phải là cảnh giới của bọn phàm phu chúng ta. Không chỉ là minh tâm kiến tánh, mà còn là kiến tánh ở mức độ khá sâu. Theo kinh Nhân Vương, đó là Vô Sanh Nhẫn Bồ Tát, ở đây nói đến cảnh giới của các Ngài. Chúng ta lại xem phần kinh văn tiếp theo:

**(Sao) Tiền thuyết do thông chư địa.**

**(鈔)前說猶通諸地。**

*(Sao: Những điều nói trong phần trước còn áp dụng cho các địa).*

“Tiền thuyết” là [luận định Vô Sanh Pháp Nhẫn] xét theo Pháp. Xét theo Pháp thì có thể nói từ Sơ Địa trở lên. Những điều được nói ở đây cũng đều là cảnh giới của hàng Bồ Tát thuộc các địa.

**(Sao) Hậu duy Bát Địa sở chuyên.**

**(鈔)後唯八地所專。**

*(Sao: Những điều nói trong loại sau chuyên về Bát Địa).*

Xét theo Hạnh, báo hành thuần thực là từ Bát Địa trở lên, từ Thất Địa trở xuống đều chẳng đạt tới cảnh giới này. Có thể thấy là cảnh giới này khá cao.

**(Sao) Dư như tiền Tự trung biện, cổ tri Vô Sanh Nhân vị, tự hữu thiên thâm, tắc thượng thượng phẩm trung, tòng Nhất Địa dĩ thượng chí Bát Địa, dĩ dung đa phẩm, dư khả tri hĩ. Cố tế phân chi, diệc ung vô lượng.**

**(鈔)餘如前序中辨，故知無生忍位，自有淺深，則上上品中，從一地以上至八地，已容多品，餘可知矣。故細分之，亦應無量。**

*(Sao: Những điều khác thì như đã biện định trong phần Tựa nơi các đoạn trước. Vì thế, biết là đối với địa vị Vô Sanh Pháp Nhân, sẽ có các [địa vị] sâu hay cạn. Cho nên trong thượng thượng phẩm, từ Sơ Địa cho đến Bát Địa đã bao gồm nhiều phẩm, [do vậy], đối với những phẩm khác, có thể suy ra mà biết. Vì thế, nếu phân chia tỉ mỉ, cũng phải là vô lượng).*

Đây là nói rõ [chia phẩm vị vãng sanh] thành ba bậc hoặc chín phẩm là phân chia đại lược, chẳng phải là chia cạn kẽ. Nếu chia cạn kẽ, thật sự là nói chẳng trọn hết. Chúng ta biết tình hình này là được rồi.

**(Sớ) Hựu tam bối, cửu phẩm, nhị kinh tương phối, chư thuyết sảo dị, như Phụ Chánh sở giải dung chi.**

**(疏)又三輩九品，二經相配，諸說稍異，如輔正所解融之。**

*(Sớ: Lại nữa, phối hợp giữa ba bậc và chín phẩm của hai kinh thì các thuyết sai khác đôi chút, như trong tác phẩm Phụ Chánh<sup>1</sup> đã giải thích dung thông).*

---

<sup>1</sup> Đây chính là tác phẩm Quán Kinh Phụ Chánh Giải của ngài Thảo Am Đạo Nhân. Theo sách Thích Môn Chánh Thống, ngài Thảo Am Đạo Nhân là đệ tử của ngài Minh Trí Trung Lập (1064-1114) thuộc tông Thiên Thai. Ngài Thảo Am theo học Thiên Thai Quán Tâm với ngài Minh Trí, thâm đạt giáo tướng. Do đọc sách Thập Bát Nhị Môn Chỉ Yếu Sao của ngài Tứ Minh Tri Lễ bèn thâm nhập. Sư còn tinh thông Thiền học. Do thấy Thiền giả đương thời chấp trước, phé bỏ kinh luận, bèn viết bộ Quan Chánh Luận (luận định liên quan đến những điều chánh đáng) để phê phán, cảnh tỉnh. Cũng giống như ngài Tứ Minh, tuy thông hiểu Thiền và Giáo, ngài Đạo Nhân vẫn đặc biệt ngưỡng mộ Tịnh Độ. Trong Lạc Bang Văn Loại có ghi lại một số tác phẩm của Ngài về Tịnh Độ như Tịnh Độ Dư Thuyết, Khánh Sám Lễ Phật Hội Sớ, Niệm Phật Tâm Yếu Luận... Do Ngài rất tâm đắc bộ Quán Kinh Sớ Diệu Tông Sao của ngài Tri Lễ, nên đã viết bộ Quán Kinh Phụ Chánh Giải để giải thích thêm, đồng thời phê phán những điều Ngài cho là sai lầm trong bộ Quán Kinh Tân Sớ (tức bộ Quán Kinh Nghĩa Sớ) của ngài Linh Chi Nguyên Chiêu. Tác phẩm này thường được gọi tắt là Phụ Chánh

Kinh Vô Lượng Thọ nói “*tam bối*”, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói “*cửu phẩm*”. Chúng ta hợp hai kinh lại để xem, rồi lại coi những lời giải thích của cổ đức. Trong ấy, đúng là “*người nhân thấy là nhân, kẻ trí thấy là trí*”, có rất nhiều cách nhìn khác nhau. Sau khi Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ xuất hiện, đối với cách nhìn của cổ đức, xác thực là có khá nhiều biện định, chứng minh. Vì cổ đức thường cho rằng: Ba phẩm thượng vãng sanh là thánh nhân, là Bồ Tát vãng sanh. Vãng sanh trong ba phẩm trung là Tiểu Thừa Tứ Quả La Hán vãng sanh. Ba phẩm hạ mới là bọn phàm phu chúng ta. Nói cách khác, phàm phu chẳng có phần trong ba phẩm thượng. Đối với chuyện này, Thiện Đạo đại sư đã giải thích rất cặn kẽ, nêu ra khá nhiều chứng minh nhằm chứng tỏ chín phẩm đều là phàm phu vãng sanh. Lão nhân gia nói hết sức hay, vì sao phàm phu vãng sanh có nhiều phẩm vị ngàn ấy? Lão nhân gia đã quy kết triệt để bằng một câu: “*Do gặp duyên khác nhau mà có chín phẩm sai biệt*”. Câu nói này hết sức hay, nêu ra sự thật chân chánh. Theo cách nói ấy, phàm phu chúng ta cũng có phần trong thượng thượng phẩm vãng sanh, chẳng nhất định là phải chứng đắc Tứ Quả, hoặc chứng đắc quả vị Bồ Tát, quả vị Bồ Tát ấy còn chẳng phải là Bồ Tát bình phàm, mà là từ Sơ Trụ Bồ Tát trở lên trong Viên Giáo! Chúng ta thấy ở đây, Liên Trì đại sư cũng nêu ra [ý kiến của] vài vị. Đó là xét theo cách nhìn bất đồng:

*(Sao) Quán Kinh Sớ vân: “Thử kinh cửu phẩm, vị linh thức vị cao hạ, tức Đại Bản tam bối dã”.*

*(鈔)觀經疏云：此經九品，為令識位高下，即大本三輩也。*

*(Sao: Quán Kinh Sớ nói: “Chín phẩm trong kinh này là để biết địa vị cao hay thấp, đấy chính là ba bậc trong Đại Bản”).*

Chín phẩm nhằm dạy chúng ta hiểu rõ phẩm vị cao hay thấp sau khi vãng sanh Tây Phương, hoàn toàn giống như ba bậc được nói trong kinh Vô Lượng Thọ, chỉ là nói cặn kẽ hơn đôi chút. Trong ba bậc, mỗi bậc đều có ba phẩm. Nếu suy luận tương tự như vậy, trong chín phẩm, mỗi phẩm lại có chín phẩm, sẽ là chín lần chín thành tám mươi một phẩm. Tám mươi một phẩm lại chia nhỏ ra nữa, sẽ là mỗi phẩm lại có tám mươi một phẩm.

---

Giải. Về sau, ngài Chuyết Am Giới Độ lại viết bộ Quán Kinh Phù Tân Luận nhằm bênh vực ngài Nguyên Chiếu, công kích luận điểm của ngài Thảo Am Đạo Nhân.

Với tình hình như vậy, quý vị có thể suy ra phẩm vị vô cùng nhiều, đó là chân tướng sự thật.

***(Sao) Cô Sơn vị Đại Bản tam bối, chỉ tề Quán Kinh lục phẩm, dĩ tam bối thuần minh thiện hạnh, bất cập ác nhân dã.***

**(鈔)孤山謂大本三輩，止齊觀經六品，以三輩純明善行，不及惡人也。**

*(Sao: Ngài Cô Sơn cho rằng ba bậc của Đại Bản chỉ bằng với sáu phẩm trong Quán Kinh, vì ba bậc thuần nói về thiện hạnh, chẳng nhắc đến kẻ ác).*

Đó là cách nhìn của pháp sư Cô Sơn. Cũng chẳng thể bảo cách nhìn của Ngài vô lý. Vì trong chín phẩm của Quán Kinh, ba phẩm hạ là phàm phu tạo ác nghiệp, còn trong ba bậc của Đại Bản chẳng nói “tạo ác nghiệp”. Nói cách khác, đã là chẳng nói “tạo ác nghiệp”, mà trong Quán Kinh từ thượng thượng phẩm cho đến trung hạ phẩm đều là tu thiện, chẳng nói là tạo nghiệp, hãy nên coi những phẩm ấy tương đương [với ba bậc trong Đại Bản], nói đến chuyện này.

***(Sao) Linh Chi phán tam bối chỉ đối thượng phẩm.***

**(鈔)靈芝判三輩止對上品。**

*(Sao: Ngài Linh Chi phán định ba bậc [trong kinh Vô Lượng Thọ] chỉ ứng với thượng phẩm [trong Quán Kinh]).*

Linh Chi thiền sư lão nhân gia có cách nhìn còn nghiêm ngặt hơn ngài Cô Sơn. Ngài nói ba bậc đem so với Quán Kinh, trên thực tế là ba phẩm thượng trong chín phẩm. Đây là cách nói khác nhau. Vì sao ngài Linh Chi chỉ coi ba bậc [trong Đại Kinh] là ba phẩm thượng [trong Quán Kinh]? Lời tiểu chú [trong sách Diễn Nghĩa] đã nói rất rõ ràng: Vì ba bậc của kinh Vô Lượng Thọ đều nói “*phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”, Ngài nhìn từ chỗ ấy. Sáu phẩm cuối trong chín phẩm của Quán Kinh chẳng nói “phát Bồ Đề tâm”. Có thể thấy người ta nói cách này cũng có căn cứ! Một đằng là xét theo thiện ác, bên có thể thấy [ba bậc trong Đại Kinh] chính là sáu phẩm [trong Quán Kinh]; một đằng do chỉ nói tới Bồ Đề tâm, nên chỉ thấy ba phẩm thượng phát Bồ Đề tâm. Rốt cuộc, cách nói nào chánh xác? Nói thật ra, người hiện thời còn có nhiều nghi vấn hơn cổ nhân! Hỏi toàn những chuyện kỳ quái! Có những đồng tu tới hỏi tôi: “Người

niệm Phật chúng ta gặp những lời vấn nạn ấy thì làm sao?” Nói thật ra, gặp những kẻ đến cật vấn chuyện này, bất luận là kẻ ấy cố tình đến hỏi, hay là vô tình mà hỏi, hoặc thành tâm mong hiểu rõ chân tướng sự thật, hay là cố ý bắt nọn, tới làm khó dễ, những tình huống ấy đều có, chúng ta đều có thể gặp phải. Hễ gặp phải thì làm thế nào? Hễ gặp phải, hãy chấp tay “*A Di Đà Phật*”. Câu nói ấy đã gạt sạch [những kiêu bất bẻ ấy]. Người ấy cứ hỏi riết, [bền thừa]: “Nay chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là khẩn yếu. Vấn đề ấy hãy đem qua Tây Phương Cực Lạc thế giới thỉnh giáo A Di Đà Phật”. Chúng ta trút sạch câu trả lời qua A Di Đà Phật. Đã thấy A Di Đà Phật thì sẽ như cổ đức thường nói: “*Chỉ thấy Phật Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ*”. Chẳng phải là hết thấy vấn đề đều được giải quyết ư? Nay khởi tâm động niệm, chắc chắn sẽ chướng ngại nhất tâm bất loạn. Nay chúng tôi luôn nói thật thà, hiện thời, đối với chúng ta, nhất tâm bất loạn là khẩn yếu, chớ nên lại đâm quàng chuyện khác. Hễ đâm quàng ngõ rẽ quá nhiều, sẽ chẳng thể vãng sanh được! Hiện thời phải tới Tây Phương; đây mới là đại sự bậc nhất trong một đời này. Chúng tôi chẳng có nghi vấn, quý vị có nghi vấn, hãy đến thế giới Cực Lạc hỏi A Di Đà Phật, chẳng cần phải hỏi tôi. Tôi có nói, quý vị cũng chẳng tin tưởng, cần gì phải dây cà dây muống để làm chi nữa? Phương pháp [trả lời những câu vấn nạn] này đơn giản, minh bạch nhất, thấy đều cắt đứt hết. Nói thật ra, những kiểu biện luận ấy đều là lời lẽ thừa thãi!

*(Sao) Thảo Am Phụ Chánh Giải viết.*

*(鈔)草庵輔正解曰。*

*(Sao: Trong sách Phụ Chánh Giải của ngài Thảo Am có nói).*

Cách nói của thiền sư Thảo Am khá viên dung.

*(Sao) Thiên Thai dĩ cứu phẩm đồng tam bối giả, nãi ước vị thứ tương đồng, bất ước hạnh nhân nhi ngôn.*

*(鈔)天台以九品同三輩者，乃約位次相同，不約行因而言。*

*(Sao: Ngài Thiên Thai coi ba bậc tương đồng chín phẩm chính là xét theo địa vị giống nhau, chứ không xét theo nhân hạnh để nói).*

“*Ba bậc, chín phẩm*” xác thực là nói theo địa vị. Bậc thượng [trong Đại Bồn] tương ứng với ba phẩm thượng trong Quán Kinh; bậc trung tương ứng với ba phẩm trung trong Quán Kinh; bậc hạ tương ứng với ba

phẩm hạ trong Quán Kinh. Thiên Thai đại sư đối chiếu tương xứng hai kinh là nói theo địa vị, chẳng chú trọng nhân hạnh trong sự tu hành. Cô Sơn và Linh Chi chẳng xét theo địa vị, mà xét theo cái nhân tu hành, một vị xét theo chuyện phát Bồ Đề tâm, vị kia xét theo chuyện tu thiện, đều là xét theo sự tu nhân để nói.

***(Sao) Tắc Cô Sơn, Linh Chi giai bất vi Thiên Thai.***

**(鈔)則孤山、靈芝，皆不違天台。**

*(Sao: Cho nên Cô Sơn và Linh Chi đều chẳng mâu thuẫn với ngài Thiên Thai).*

Đây là nói dung hòa, hai đảng trọn chẳng mâu thuẫn lẫn nhau cho mấy!

***(Sao) Sở dĩ nhiên giả? Dĩ Thiên Thai dẫn ước vị thứ, tắc bối phẩm chánh đồng. Nhị sư duy ước hành nhân, tắc chỉ tề trung thượng. Các hữu sở cứ, thủ nghĩa bất đồng, cố bất vi dã.***

**(鈔)所以然者，以天台但約位次，則輩品正同；二師唯約行因，則止齊中上。各有所據，取義不同，故不違也。**

*(Sao: Vì có sao vậy? Do ngài Thiên Thai chỉ xét theo địa vị, nên bậc và phẩm đúng là tương đồng. Hai vị kia (Cô Sơn và Linh Chi) chỉ xét theo nhân hạnh, nên [ba bậc trong Đại Kinh] chỉ tương ứng với trung phẩm và thượng phẩm. Mỗi vị đều có căn cứ để quyết đoán nghĩa lý khác nhau. Do vậy, chẳng mâu thuẫn).*

Cách nói này rất viên dung, chẳng méch lòng đôi bên. Dưới đây là quyết đoán.

***(Sao) Khắc thật nhi luận.***

**(鈔)剋實而論。**

*(Sao: Luận định theo sự thật).*

Nói lời chân thật.

***(Sao) Tắc phiền não bất dị Bồ Đề, thí ác hà phương chung thiện?***

**(鈔)則煩惱不異菩提，始惡何妨終善。**

*(Sao: Phiền não chẳng khác Bồ Đề, thoạt đầu là ác, há trở ngại cuối cùng là lành?)*

“*Phiền não*” và “*Bồ Đề*” có cùng một tự tánh, là cùng một chuyện. Đã giác ngộ bèn gọi là Bồ Đề, đã mê bèn gọi là phiền não. Chỉ là tên gọi giác hay mê khác nhau, chứ thể tánh hoàn toàn giống nhau. Thể là gì? Thể là chân tâm của chính mình. Mê mất chân tâm bèn thành phiền não, đã giác ngộ bèn gọi là Bồ Đề. Vì thế mê và ngộ chẳng hai! Mê là chuyện này, ngộ vẫn là chuyện này. Tâm tánh chẳng có mê hay ngộ, phải biết điều này. Nơi chân tâm bản tánh chẳng có mê hay ngộ. Mê, ngộ là gì? “Mê, ngộ” là vọng chấp, là hư vọng, chẳng phải là thật. Trong vọng tâm có mê hay ngộ, trong chân tâm chẳng có mê hay ngộ. Do vậy, nói: “*Thĩ ác hà phương chung thiện*” (Sự ác ban đầu, nào trở ngại điều thiện cuối cùng). Khi mê tạo ác, lúc ngộ bèn biến thành thuần thiện, hề ngộ bèn thiện. Khi ngộ, chúng ta thường nói là “*sám hối rốt ráo triệt để*”. Sám hối có phải là một phen nước mắt, nước mũi rùng rùng hay không? Chẳng cần thiết! Nước mắt, nước mũi rùng rùng chưa chắc đã là thật sự sám hối. Thật sự sám hối, phá vô minh, đoạn phiền não, đó là thật sự sám hối, thật sự giác ngộ. Đó là ác có thể biến thành thiện.

**(Sao) *Ác nhân ký dĩ thành thiện, khởi bất hiện thánh đồng khoa?***  
**(鈔) 惡人既已成善，豈不賢聖同科。**

**(Sao: *Kẻ ác đã trở thành thiện, há chẳng phải là cùng một loại với bậc thánh hiền?*)**

Nếu kẻ ác đã sám hối, trở thành thiện nhân, lẽ đâu người ấy chẳng thể thượng phẩm thượng sanh? Vẫn có thể là thượng phẩm thượng sanh! Trong phần sau của kinh này sẽ lại nói đến chuyện này. Phần sau [của lời Sao trong đoạn này] nhắc đến vua A Xà Thế. Đó là kẻ đại nghịch bất đạo, người ta khi lâm chung sám hối, sám hối có sức mạnh thù thắng, vãng sanh Tây Phương với phẩm vị là thượng phẩm trung sanh. Quý vị xem đó: Tạo tác tội nghiệp Ngũ Nghịch, Thập Ác, khi lâm chung vãng sanh vẫn là thượng phẩm trung sanh. Chuyện này phù hợp với ý nghĩa trong câu “*thĩ ác hà phương chung thiện*” (thoạt đâu là ác, há trở ngại cuối cùng là lành). Hề quay đầu bèn là đại thiện nhân, kẻ tiểu thiện bình phàm chẳng thể bằng được ông ta.

Tục ngữ Trung Hoa cũng thường nói: “*Lãng tử hồi đầu kim bất hoán*” (Lãng tử quay đầu, vàng chẳng đổi được). Hề quay đầu sẽ là người tốt, những kẻ tốt đẹp bình phàm chẳng thể sánh bằng người ấy, thật sự

quay đầu mà! Chính là đạo lý này! Do đó, [kẻ ác hồi đầu có] cùng một cấp bậc với thánh hiền.

**(Sao) Tam bồi cửu phẩm, chánh tương phối hợp, hựu hà nghi yên?**

**(鈔)三輩九品，正相配合，又何疑焉。**

**(Sao: Ba bậc, chín phẩm, đúng là phù hợp khít khao, còn nghi chi nữa?)**

Hiểu đạo lý này, đối với cách nói coi ba bậc tương ứng với chín phẩm của ngài Thiên Thai, quý vị bèn đồng ý, trong ấy quyết định chẳng có vấn đề gì. Còn như nói đến chuyện “*phát tâm*” thì kinh văn có nói chi tiết hay đại lược, có khi tinh lược, văn tự chẳng nhắc đến, nhưng xét theo ý nghĩa thì có. Đối với những chỗ giống như vậy, chúng ta đọc kinh chớ nên không lưu ý. Dưới đây, đại sư lại dẫn kinh Hoa Nghiêm để làm chứng:

**(Sớ) Hựu Hoa Nghiêm minh niệm Phật giả, số dữ tâm đẳng, tức thị tam bồi cửu phẩm tùy nhân bất đồng nghĩa.**

**(疏)又華嚴明念佛者，數與心等，即是三輩九品隨因不同義。**

**(Sớ: Lại nữa, kinh Hoa Nghiêm giảng về niệm Phật, [có nói] “số và tâm bằng nhau” chính là ý nghĩa ba bậc, chín phẩm là do cái nhân mà khác nhau vậy).**

Cách nói trong phần trước là suy luận theo Lý. Nếu chẳng có kinh điển để chứng minh, vẫn chưa thể khiến cho kẻ khác tâm phục, khẩu phục. Trong hết thấy các kinh, kinh lớn nhất, được đại chúng tôn kính nhất, không gì hơn Hoa Nghiêm. Do đó, trong phần chú giải, hễ trích dẫn kinh điển, đích xác là Liên Trì đại sư trích dẫn kinh Hoa Nghiêm nhiều nhất. Đây là chứng cứ có sức thuyết phục mạnh mẽ nhất.

**(Sao) Số tâm đẳng giả, Hoa Nghiêm nhị thập tam kinh.**

**(鈔)數心等者，華嚴二十三經。**

**(Sao: “Số, tâm bằng nhau” là như trong quyển hai mươi ba kinh Hoa Nghiêm).**

“Số tâm đẳng giả”: Câu này trích từ quyển hai mươi ba trong bộ Bát Thập Hoa Nghiêm.



**(Sao) Ly Cấu Tràng Bồ Tát kệ vân: “Dĩ Phật vi cảnh giới, chuyên niệm nhi bất xả, thử nhân đắc kiến Phật, kỳ số dữ tâm đẳng”.**

**(鈔)離垢幢菩薩偈云：以佛為境界，專念而不捨，此人得見佛，其數與心等。**

*(Sao: Bài kệ của Ly Cấu Tràng Bồ Tát có câu: “Dùng Phật làm cảnh giới, chuyên niệm, chẳng buông xả. Người ấy được thấy Phật, số và tâm tương ứng”).*

Đây là kinh văn của kinh Hoa Nghiêm. Lời giải thích dưới đây là chú giải của Thanh Lương đại sư.

---

<sup>2</sup> Ly Cấu Tràng Bồ Tát là một trong mười vị Bồ Tát thượng thủ hiện diện khi đức Thế Tôn chẳng lìa cõi Bồ Đề nơi Bồ Đề Tràng, đỉnh Tu Di, và cung trời Dạ Ma, mà thăng lên cung trời Đâu Suất, triệu tập chư vị Bồ Tát trong mười phương. Mười vị Bồ Tát thượng thủ khi ấy chính là Kim Cang Tràng Bồ Tát, Kiên Cố Tràng Bồ Tát, Dũng Mãnh Tràng Bồ Tát, Quang Minh Tràng Bồ Tát, Trí Tràng Bồ Tát, Bảo Tràng Bồ Tát, Tinh Tấn Tràng Bồ Tát, Ly Cấu Tràng Bồ Tát, Tinh Tú Tràng Bồ Tát, và Pháp Tràng Bồ Tát. Sau khi đức Phật từ hai đầu gối phóng ra trăm ngàn vạn ức na-do-tha quang minh chiếu khắp mười phương pháp giới, hiện các thần biến, khiến cho các chúng sanh đều được pháp ích, mười vị Bồ Tát ấy lần lượt nói kệ tán dương đức Phật. Để dễ hiểu bài kệ này hơn, chúng tôi mạn phép trích thêm vài đoạn trước và sau bốn câu đã được trích dẫn trong lời Sao: “*Như Lai đại trí quang, phổ tịnh chư thế gian, thế gian ký tịnh dĩ, khai thị chư Phật pháp, thiết hữu nhân dục kiến, chúng sanh số đẳng Phật, mị bất ứng kỳ tâm, nhi thật vô lai xứ, dĩ Phật vi cảnh giới, chuyên niệm nhi bất tức, thử nhân đắc kiến Phật, kỳ số dữ tâm đẳng, thành tựu bạch tịnh pháp, cụ túc chư công đức, u bĩ Nhất Thiết Trí, chuyên niệm tâm bất xả, đạo sư vi chúng sanh, như ứng diễn thuyết pháp*”. Hòa Thượng Trí Tịnh dịch là: “*Như Lai đại trí quang, thanh tịnh khắp thế gian. Thế gian đã thanh tịnh, khai thị các Phật pháp. Như có người muốn thấy, Phật đồng số chúng sanh, đều ứng như tâm kia, mà thật không chỗ đến. Dùng Phật làm cảnh giới, chuyên niệm mà chẳng dứt, người này được thấy Phật, số đó cùng tâm đồng. Thành tựu pháp lành trong, đầy đủ các công đức. Đối với Nhất Thiết Trí, chuyên niệm tâm chẳng bỏ. Đạo Sư vì chúng sanh, tùy nghi mà thuyết pháp*”. Chư Bồ Tát nói kệ xong, Kim Cang Tràng Bồ Tát nương vào oai lực của Phật diễn nói cảnh giới và phương pháp tu hành của các địa vị Bồ Tát thuộc Thập Hồi Hướng. Theo đó, câu “*kỳ số dữ tâm đẳng*” phải hiểu là “người niệm Phật, dùng Phật làm cảnh giới để niệm, chuyên tâm nhất niệm, sẽ thấy số lượng chư Phật tương ứng với cái tâm mong cầu của chính mình”. Hoặc nói rộng hơn, tâm niệm như thế nào, sẽ thấy Phật như thế đó. Tùy thuộc vào mức độ thanh tịnh và tâm lượng mà thấy Phật như thế đó. Đó chính là ý nghĩa “*tùy niệm tùy hiện*” trong lời giải thích của Thanh Lương đại sư, hay nói theo kinh Lăng Nghiêm sẽ là “*ứng sở tri lượng*”.

**(Sao) Thích văn: Số dữ tâm đẳng giả, vị tùy niệm tùy hiện.**

**(鈔)釋云：數與心等者，謂隨念隨現。**

*(Sao: Giải thích: “Số và tâm tương ứng”, nghĩa là thuận theo ý niệm mà hiện).*

Lời này là thật, chẳng giả tí nào! Vì sao chúng ta niệm Phật, Phật chẳng hiện tiền? Chúng ta từng nghe nói Thiện Đạo đại sư niệm Phật, niệm Phật một tiếng, trong miệng phóng ra một tia sáng, trong ánh sáng có một vị Hóa Phật. Bài kệ này trong kinh Hoa Nghiêm nếu áp dụng vào Thiện Đạo đại sư rất thích hợp. Trên thực tế, chư vị phải hiểu, [điều này] áp dụng vào bản thân mỗi người chúng ta cũng rất thích hợp. Từng tiếng Phật hiệu của Thiện Đạo đại sư là từng tiếng Phật rõ ràng, rành rẽ dường như thấy được. Từng câu Phật hiệu của chúng ta [cũng là] từng tiếng Phật, chính mình chẳng thấy, mà người khác cũng chẳng thấy, thế nhưng thật sự có. Vì sao nói là thật sự có? Quán Kinh đã có dạy: “*Khi tâm tưởng Phật, tâm ấy chính là ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp*”. Người có Thiên Nhân, khi chúng ta đem ngủ nằm mộng, người ấy có thể trông thấy, [nghĩa là] trong mộng, quý vị mơ làm chuyện gì, người ấy thấy rõ ràng, rành mạch. Có thể thấy là: Trong mộng thật sự có hình tướng. Người bình phàm chúng ta chẳng thấy, nhưng người có công phu định lực, người có Thiên Nhân trông thấy, biết quý vị làm chuyện gì trong mộng. Trong mộng có tướng, nay chúng ta đang cùng ngồi ở đây, tuy là đang nghe kinh ở đây, trong đầu nghĩ gì chẳng biết, nhưng quý vị nghĩ điều gì đều có một tướng. Quý vị nghĩ đến ai, nghĩ đến chuyện gì, nghĩ ta hôm nay đi chơi ngắm phong cảnh; hễ trong tâm quý vị vừa tưởng bèn có tướng, người có Thiên Nhân thấy quý vị chẳng thật thà, lại rong chơi đến nơi nào rồi! Do vậy có thể biết: Trong tâm chúng ta niệm Phật, trong tâm tưởng Phật, lẽ nào chẳng có Phật tướng xuất hiện? “*Số dữ tâm đẳng*” (Số và tâm tương ứng), chẳng sai tí nào! Khi quý vị tưởng hình tướng đức Phật, tướng A Di Đà Phật, cứ một niệm là một vị Phật. Người ta nói lời chân thật, chẳng giả tí nào, xác thực là như thế. Vì sao hình tướng Phật của Thiện Đạo đại sư rõ rệt dường ấy? Nói thật ra, là do tâm Ngài thanh tịnh, chẳng có ô nhiễm; vì thế, hiện quang, hiện tướng, mọi người thấy. Trong tâm chúng ta có quá nhiều vọng tưởng, quá nhiều tạp niệm, đục ngầu, dơ bẩn chẳng kham, dấu hiện tướng, tướng chẳng hiện rõ ràng cho mấy, mọi người chẳng thấy được! Ất cần phải là người có tâm thanh tịnh thì mới thấy được, đạo lý là như vậy. “*Tùy niệm tùy hiện*”, chư vị phải ghi nhớ điều này, niệm Phật hiện Phật, niệm Bồ Tát hiện Bồ Tát, niệm gì hiện nấy.

**(Sao) Tùy niệm hữu nhị: Nhất tùy niệm đa thiểu, Phật diệc như chi, như niệm Phật nhất thanh, hữu nhất hóa Phật từng khẩu trung xuất đẳng.**

**(鈔)隨念有二：一隨念多少，佛亦如之，如念佛一聲，有一化佛從口中出等。**

*(Sao: “Tùy niệm” có hai [ý nghĩa]: Một là tùy theo niệm nhiều hay ít, mà Phật [hóa hiện] cũng như thế. Như niệm Phật một tiếng, có một Hóa Phật từ trong miệng bay ra v.v...)*

Tùy theo niệm nhiều hay ít, mỗi tiếng Phật hiệu là một vị Phật, đó là “số và tâm tương ứng” [theo ý nghĩa thứ nhất]. Ý nghĩa thứ hai là...

**(Sao) Nhị tùy niệm thiện thâm, Phật ưng xướng chi, như lâm chung kiến Phật hữu thắng, hữu liệt đẳng. Đa, thiểu, thiện, thâm, tức bối phẩm phân biệt dã.**

**(鈔)二隨念淺深，佛應稱之，如臨終見佛有勝有劣等。多少淺深，即輩品分別也。**

*(Sao: Hai là tùy theo niệm cạn hay sâu, Phật sẽ ứng hiện tương xứng, như lâm chung thấy [hình tướng của] Phật có thù thắng hay kém cỏi v.v... [Do có cảnh tượng] nhiều, ít, cạn, sâu, cho nên có bậc và phẩm phân biệt).*

Nói kiểu này rất thông suốt.

**(Sao) Thử nhân đắc kiến Phật giả, tức A Di Đà Phật hiện tại kỳ tiền dã. Chuyên niệm giả, tức nhất tâm bất loạn dã.**

**(鈔)此人得見佛者，即阿彌陀佛現在其前也。專念者，即一心不亂也。**

*(Sao: “Người ấy được thấy Phật” tức là A Di Đà Phật hiện trước mặt người ấy. “Chuyên niệm” chính là nhất tâm bất loạn).*

Khai thị trong đoạn này hết sức quan trọng, bảo cho chúng ta biết sự thù thắng chân thật của niệm Phật. Niệm Phật, Phật liền hiện tiền! Thông thường, chúng ta giải thích sự gia trì của Phật có hai loại: Một loại là hiển gia (顯加), loại kia là minh gia (冥加). Hiển (顯) là rõ rệt, chính quý vị có thể cảm nhận, nhận biết sự gia trì này. Minh gia là gia trì ngấm ngấm, tuy bản thân quý vị chẳng thấy, chẳng nghe, mà cũng chẳng cảm thấy,

nhưng Phật xác thực là ở trước mặt quý vị. Nếu quý vị thật sự hiểu đoạn khai thị này, sẽ tin tưởng. Trong khi chúng ta niệm Phật, tâm tưởng Phật, Phật bèn hiện tiền, cảm ứng đạo giao rất nhanh chóng chẳng thể nghĩ bàn!

“*Chuyên niệm*” là nhất tâm niệm, nhất tâm niệm có sức cảm ứng đặc biệt mạnh mẽ, to tát; vì thế, ở đây nói là “*nhiều, ít, cạn, sâu*”. Tâm càng thanh tịnh, cảm ứng càng sâu. Do vậy có thể biết, tâm tư chúng ta tạp loạn, cảm ứng sẽ nông cạn. Tâm thanh tịnh, cảm ứng sâu xa.

**(Sớ) *Hựu Chí Nhãn nhị chủng Tịnh nghiệp, diệc tam bối cửu phẩm nghĩa.***

**(疏) 又志眼二種淨業，亦三輩九品義。**

*(Sớ: Lại nữa, hai thứ Tịnh nghiệp như ngài Chí Nhãn đã nói cũng là ý nghĩa ba bậc, chín phẩm).*

Pháp sư Chí Nhãn nói điều này.

**(Sao) Chí Nhãn pháp sư vân: “Vãng sanh nhất môn, hữu nhị Tịnh nghiệp, nhất viết chánh quán, mặc chiếu bốn tâm dã. Nhị viết trợ hạnh, bị tu vạn thiện dã. Nhị sự câu đắc, tắc liễu đạt tứ Tịnh Độ hĩ”.**

**(鈔) 志眼法師云：往生一門，有二淨業，一曰正觀，默照本心也；二曰助行，備修萬善也。二事俱得，則了達四淨土矣。**

*(Sao: Pháp sư Chí Nhãn nói: “Một môn vãng sanh có hai thứ Tịnh nghiệp. Một là chánh quán, thâm chiếu soi bốn tâm. Hai là trợ hạnh, tu trọn muôn điều thiện. Cả hai điều đều đạt được, sẽ thông đạt rành rẽ bốn cõi Tịnh Độ”).*

Thuyết của pháp sư Chí Nhãn vẫn dựa trên giáo nghĩa Thiên Thai, phương pháp dụng công của tông Thiên Thai là dùng Chỉ Quán. Chỉ Quán có hai loại: Loại thứ nhất là Thứ Đệ Tam Quán, loại thứ hai là Nhất Tâm Tam Quán. Ở đây là nói...

**(Diễn) *Dĩ Nhất Tâm Tam Quán, chiếu Tam Đế Nhất Cảnh.***

**(演) 以一心三觀，照三諦一境。**

*(Diễn: Dùng Nhất Tâm Tam Quán để quán chiếu Tam Đế Nhất Cảnh).*

Tam Quán là Không, Giả, Trung, Không Quán, Giả Quán, Trung Quán. “*Không*” là quán thể tánh của hết thấy các pháp, vạn pháp đều không. “*Giả*” là quán hiện tượng (tượng biến hiện) của chúng, diệu hữu. “*Trung*” là quán tác dụng của chúng, dụng là Trung. Thể là Không, tượng là Hữu, tác dụng là Trung; do vậy, dùng Trung. Năng quán (chủ thể tác quán) có Không, Giả, Trung. Sở quán (đối tượng được quán) là cảnh giới bên ngoài. Trong cảnh giới có Thể, Tượng, Dụng, gọi là Tam Đế. Thể là Chân Đế, Tượng là Tục Đế, Dụng là Trung Đế. Nhất Tâm Tam Quán đối ứng với Tam Đế Nhất Cảnh, là một mà ba, tuy ba mà một, là một chuyện được quan sát từ ba phương diện thì mới thật sự hiểu rõ chân tướng, chẳng đến nỗi phạm sai lầm.

**(Diễn) Như Trí tương ứng.**

**(演)如智相應。**

**(Diễn: Như Trí tương ứng).**

“*Trí*” là năng quán, là Tam Quán. “*Như*” là Tam Đế, là cảnh giới. Vì sao gọi cảnh giới là Như? Tượng giống như tánh của nó; tánh giống như tướng của nó. Vì thế, Thiên Thai đại sư nói “*bách giới thiên như*”, chẳng có pháp nào không Như. Đức Phật nói kinh, câu đầu tiên là “*như thị ngã văn*”. Ngài Thiên Thai gọi cái Như ấy là Như và Trí. Trí là có thể hiểu rõ, trí huệ ấy chính là chân trí Bát Nhã, “*Như*” là vạn cảnh như như.

**(Diễn) Tùy lưu thức tánh dã.**

**(演)隨流識性也。**

**(Diễn: Tùy lưu thức tánh).**

“*Tùy lưu*” (隨流) là tùy duyên, thuận theo duyên của mười pháp giới. Trong tùy duyên, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, vì sao? Ngài đã nhận biết tánh, chẳng mê. Đây là cảnh giới của hàng đại Bồ Tát. Trong Viên Giáo sẽ là Sơ Trụ Bồ Tát trở lên, đó gọi là “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, kiến tánh bèn chẳng mê. Vì thế, Sơ Trụ Bồ Tát có năng lực giáo hóa chúng sanh trong mười pháp giới: “*Đáng nên dùng thân Phật để độ, bèn hiện thân Phật để thuyết pháp. Đáng nên dùng thân tỳ-kheo để độ, bèn hiện thân tỳ-kheo để thuyết pháp. Đáng nên dùng thân bé trai, bé gái để độ, bèn hiện thân bé trai, bé gái để thuyết pháp*”. Pháp Thân đại sĩ có thân tướng hay không? Chẳng có thân tướng, tùy loại hiện thân, thuận theo tâm của chúng sanh mà ứng với khả năng tiếp nhận của họ, [đó là] “*tùy*

*lưu thức tánh*”. Do vậy, Ngài có thể làm được! Phàm phu lục đạo chúng ta rất đáng thương, tùy lưu (tùy duyên) nhưng quên tánh, chẳng nhận biết tánh, phiền phức to lớn, ở trong lục đạo mà chính mình chẳng thể làm chủ tể. Trong lục đạo, đại Bồ Tát có thể tự làm chủ tể, nên tuy ở trong lục đạo, thừa cùng chư vị, cảnh giới của chính Ngài tuyệt đối chẳng bị hạ thấp. Ngài vào trong lục đạo để độ chúng sanh, đúng là đại từ đại bi. Chúng ta ca ngợi Ngài, thật ra Ngài căn bản là như như bất động, chẳng đến mà đến, thuận theo tâm của chúng sanh mà biến hiện. Cổ nhân có nói Tịnh Độ là “*sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi*”. Ngài thật sự hiện tướng, Ngài hiện đến, nhưng có đến, đi hay không? Chẳng có! Vì sao chẳng có đến đi? Vì tự tánh tận hư không khắp pháp giới, Ngài đến bằng cách nào? Do là tận hư không khắp pháp giới, nên chẳng có đến, đi! Đó đều là chân tướng sự thật. Tâm và cảnh như một, Trí là tâm, Như là cảnh, ở đây nói là “*Như Trí tương ứng*”.

**(Diễn) Cổ vân: “Tâm tùy vạn cảnh chuyển, chuyển xứ thật năng u, tùy lưu nhận đắc tánh, vô hỷ diệt vô ưu”.**

**(演)古云：心隨萬境轉，轉處實能幽，隨流認得性，無喜亦無憂。**

**(Diễn) Cổ nhân nói: “Tâm chuyển theo vạn cảnh, tỉnh lặng trước cảnh chuyển, nhận biết tánh tùy lưu, buồn vui đều chẳng có”.**

Tâm phàm phu chuyển theo vạn cảnh. “*Chuyển xứ thật năng u*”: “U” (幽) là u tĩnh (幽靜), thường nói là Định. [Câu ấy có nghĩa là] đôi với chỗ lưu chuyển, nếu tâm quý vị có thể Định, sẽ có thể tùy chuyển (tiếp xúc) vạn cảnh, chỉ cần tâm bất động là được. Do vậy, tu trì Phật pháp chẳng có gì khác, từ đầu đến cuối đều là tu Định. Tám vạn bốn ngàn pháp môn là tám vạn bốn ngàn loại phương pháp và phương thức bất động, đều nhằm tu Định. Phật pháp tới cuối cùng quy nạp thành Tam Học Giới, Định, Huệ, chẳng có gì khác. Trì giới là biện pháp giúp quý vị đắc Định; đã đắc Định, Định khởi tác dụng là Huệ, bèn khai trí huệ, ở đây nói là Trí. Định là then chốt trong tu hành, là mấu chốt trong tu hành. Bất luận trong cảnh giới nào, tâm như như bất động, bèn thành công. Trong Tịnh Độ Tông, chúng ta gọi nó là “*nhất tâm bất loạn*”, đó là Định, quý vị phải thật sự có thể học được. Sau đây, “*tùy lưu nhận đắc tánh, không vui cũng chẳng buồn*”. Vui hay buồn là phiền não, là khởi tâm động niệm. Trong lục đạo, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, tâm người ấy vĩnh viễn bất động. Ba ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trong thế gian này,

giảng kinh thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, Ngài có nói gì hay chẳng? Chúng ta nói Ngài có thuyết, đức Phật chẳng thừa nhận, đức Phật phủ nhận. Chúng ta nói Ngài chẳng giảng, đức Phật cũng lắc đầu, cũng phủ nhận. Rốt cuộc là có giảng hay không? Xét theo Sự là giảng; xét theo Lý, chẳng giảng! Xét theo tướng là giảng, tâm Ngài thật sự chẳng giảng. Cho tới nay, tâm Ngài chưa hề động một niệm. Chẳng động niệm, vì sao có thể giảng? Nay chúng ta là phàm phu, động niệm thì mới có thể nói, chẳng động niệm sẽ không thể nói. Động niệm bèn có thể nói, đó là tạo nghiệp; chẳng động niệm mà có thể nói, chẳng tạo nghiệp. Nếu quý vị hỏi: “Chẳng động niệm? Vì sao có thể nói” ư? Cái chuông chẳng động niệm, quý vị gõ thử xem, nó có ngân vang hay không? Quý vị vừa gõ, nó liền ngân lên. Gõ mạnh, nó ngân to. Gõ nhẹ, nó ngân nhẹ. Tâm Bồ Tát giống như chuông, trống, bên trong rỗng tuếch như thế, chưa hề khởi tâm động niệm. Chúng sanh có cảm, Ngài tự nhiên có ứng, giống như chúng ta đánh trống, bên trong lòng trống cũng chẳng có gì cả, rỗng tuếch, hề gõ nó bèn ứng. Đức Phật nói bụng lữ phàm phu chúng ta chứa đặc nghẹt, chẳng rỗng không. Trong tâm thánh nhân chẳng có thứ gì. Lục Tổ nói “*vốn chẳng có một vật*”. Do vậy, Ngài có thể cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh. Vì sao chúng ta chẳng thể dấy lên cảm ứng được? Là vì bên trong đã đầy ấp, có gõ cũng chẳng kêu được, chứa đặc nghẹt mất rồi. Chứa đặc nghẹt thứ gì vậy? Chứa đầy ấp vọng tưởng, chứa đầy tràn chấp trước. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc*”. Vì thế, trong tâm chúng ta đã bị vọng tưởng, phiền não chướng ngại, lấp đầy, bị thua thiệt ở chỗ này. Do vậy, làm sao Ngài có thể vui hay buồn cho được? Ngài chẳng khởi tâm động niệm.

Đây là nói tới “*chánh quán, mặc chiếu bốn tâm*” (chánh quán, thâm chiếu cái tâm của chính mình), xét theo phía người niệm Phật, nói thật ra, sẽ là nhất tâm bất loạn. Luôn luôn gìn giữ nhất tâm bất loạn chính là “*mặc chiếu bốn tâm*”. Điều thứ hai chính là “*trợ hạnh*”, điều trước là chánh hạnh, Quán là tu hành, còn trợ hạnh là “*bị tu vạn thiện*” (tu trọn muôn điều thiện). Tự tâm thanh tịnh, vốn chẳng có một vật, cần gì phải tu thiện? Vốn chẳng tạo ác, lấy đâu ra thiện để có thể nói? Có thiện, có ác, Lục Tổ nghe như vậy, nhất định sẽ bảo chúng ta: “*Thiện và ác là hai pháp, hai pháp chẳng phải là Phật pháp*”; nhưng chẳng ngại đoạn ác, tu thiện, đó là đại từ đại bi, đó cũng là do chúng sanh cảm ứng mà hiện. Giống như trong xã hội hiện tại, kẻ tạo ác quá đông; cái tâm tạo ác ấy bèn cảm động chư Phật, Bồ Tát thị hiện biểu diễn cho chúng ta thấy: Chúng ta đang tạo ác, các Ngài đoạn ác. Chúng ta chẳng chịu tu thiện, các Ngài tu thiện cho

chúng ta thấy, khiến cho chúng ta từ đó dần dần tỉnh giấc. Bồ Tát thị hiện là do chúng sanh cảm ứng, người thế gian chúng ta nói điều này là “*tiềm di mặc hóa*” (潛移默化: ngấm ngấm thay đổi, lặng lẽ chuyển hóa). Các Ngài chẳng cần nói câu nào, suốt đời yên lặng làm như vậy, làm rất lâu, bị người khác phát hiện, được mọi người tuyên truyền: “Người ấy là người tốt. Người ấy là khuôn mẫu cho chúng ta, chúng ta hãy nên học tập theo”. Không gì chẳng phải là do cảm ứng mà hiện! Chẳng phải do cảm ứng mà hiện, sẽ là do nghiệp báo mà hiện. Tất cả hết thấy hữu tình chúng sanh trong thế gian này, nhà Phật nói là “*mười pháp giới hữu tình chúng sanh*”, nếu chẳng phải là do nghiệp báo mà hiện, thì sẽ là do cảm ứng mà hiện. Bốn thánh pháp giới là cảm ứng, lục phàm là nghiệp báo. Trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, phàm phu là nghiệp báo, thánh nhân là cảm ứng. Đây là lý do vì sao phải tu thiện, tu thiện là phương pháp để độ chúng sanh, là phương thức để độ chúng sanh, đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức. “*Nhị sự câu đắc*” (Hai chuyện đều cùng đạt được), “*hai sự*” chính là hai thứ chánh hạnh và trợ hạnh quý vị đều đạt được, chúng ta thường nói là “*chánh trợ song tu*”, sẽ “*liễu đạt*”, “*liễu*” (了) là hiểu rõ, “*đạt*” (達) là thông đạt, quý vị bèn hiểu rõ, thông đạt bốn loại Tịnh Độ của Tây Phương. Kể từ trên xuống dưới: Cõi Thường Tịch Quang, cõi Thật Báo Trang Nghiêm, cõi Phương Tiện Hữu Dư, cõi Phàm Thánh Đồng Cư, trạng huống của bốn loại Tịnh Độ ấy, quý vị đều hiểu rõ.

***(Sao) Như chỉ đắc Sự thiện giả, cận sanh Đồng Cư, viễn tác tam độ nhân nhĩ.***

***(鈔)如止得事善者，近生同居，遠作三土因耳。***

*(Sao: Nếu như chỉ đạt được điều thiện về mặt Sự thì gần là sanh trong cõi Đồng Cư, xa thì sẽ là cái nhân để sanh trong ba cõi kia vậy).*

Quý vị chẳng có cách nào tu chánh quán, chỉ tu nơi mặt Sự. Xưng danh là Sự, chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối lần tràng hạt niệm “*A Di Đà Phật, A Di Đà Phật*”, đó là Sự. Vì sao? Có người niệm suốt cả đời, vẫn chẳng đắc nhất tâm bất loạn, nhưng người ấy thật sự vãng sanh, có thể thấy: Không thể nói Sự tu là chẳng có công đức, chẳng thể nói như vậy được! Nhưng người ấy chẳng đắc nhất tâm, cho nên sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư thì Đại Kinh đã nói rất rõ ràng: Viên chứng ba món Bất Thoái, cho nên chẳng mất thời gian bao lâu, cõi Phương Tiện, cõi Thật Báo, cõi Tịch Quang, người ấy đều chứng đắc. Vì vậy, sẽ là “*viễn tác tam*



*độ chi nhân*” (xa thì là cái nhân của ba cõi Tịnh Độ). Do vậy có thể biết, quyết định phải cầu sanh về Tịnh Độ, hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là thù thắng tốt bậc, là chân thật. Vì sao? Vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, công đức so với A La Hán hoặc Quyền Giáo Bồ Tát chỉ có hơn chứ không thể nào kém được, phải hiểu điều này! Dưới đây là kết luận:

**(Sao) *Cố tri Tịnh Độ, chánh cứu lý Bồ Tát sở đăng cảnh giới, nhi kiêm dung du du chúng sanh nhĩ.***

**(鈔)**故知淨土，正究理菩薩所登境界，而兼容悠悠眾生耳。

**(Sao: *Vì thế biết Tịnh Độ chính là cảnh giới để đạt lên của bậc Bồ Tát thấu hiểu rốt ráo Lý, kèm thêm hàng chúng sanh ngu ngơ vậy.*)**

Liên Trì đại sư nêu ra kết luận này, có cách nói khác với Thiền Đạo đại sư. Dụng ý của đại sư trong lời lẽ này đã được sách Diễn Nghĩa giảng giải minh bạch hơn.

**(Diễn) “Cố tri Tịnh Độ” hạ, tầm thường dĩ Tịnh Độ nhất môn, duy nhiếp độn căn phàm phu.**

**(演)**故知淨土下，尋常以淨土一門，唯攝鈍根凡夫。

**(Diễn: *Từ câu “vì thế biết Tịnh Độ” trở đi, [ý nói]: Thông thường người ta nghĩ pháp môn Tịnh Độ chỉ để nhiếp thọ hàng phàm phu độn căn.*)**

Kẻ bình phàm có cách nhìn như vậy.

**(Diễn) *Thiền Tông viên đốn pháp môn, nãi cứu lý Bồ Tát cảnh giới.***

**(演)**禪宗圓頓法門，乃究理菩薩境界。

**(Diễn: *Pháp môn Thiền Tông viên đốn chính là cảnh giới của bậc Bồ Tát thấu hiểu rốt ráo Lý.*)**

Mọi người luôn thấy Tịnh Độ thấp chùn, thấy Thiền cao, cao ngất ngưỡng, Tịnh Độ thấp lẽ tẻ ở dưới, kẻ bình phàm luôn có cách nhìn như vậy. Thuận theo kiến giải của phàm phu, Liên Trì đại sư nói pháp môn Thiền Tông viên đốn “*nãi cứu lý Bồ Tát cảnh giới*” (là cảnh giới của bậc Bồ Tát thấu hiểu rốt ráo Lý), “*cứu*” (究) là thấu hiểu tột cùng, [tức là

Thiền Tông] là cảnh giới của những vị đại Bồ Tát nghiên cứu Lý đến mức thấu hiểu triệt để tâm tánh.

**(Diễn)** *Nhược như thượng luận, tác Tịnh Độ chánh cứu lý Bồ Tát cảnh giới, du du chúng sanh nãi kiêm dung nhĩ.*

**(演)** 若如上論，則淨土正究理菩薩境界，悠悠眾生乃兼容耳。

**(Diễn:** *Nếu luận định như trên thì Tịnh Độ chính là cảnh giới của hàng Bồ Tát thấu hiểu Lý rốt ráo, hàng chúng sanh ngu ngơ chỉ là được hóa độ kèm thêm mà thôi).*

Như trong phần trước đã nói, Tịnh Độ có Chánh Quán, có thâm chiếu soi bốn tâm, chẳng khác gì Thiền, đó là cảnh giới của bậc Bồ Tát đã thấu hiểu rốt ráo Lý. Tiếp đó, nó lại có “trợ hạnh, bị tu vạn thiện” (trợ hạnh tu trọn muôn điều thiện), ngay cả kẻ căn tánh hạ hạ cũng được bao gồm, cũng được hàm nhiếp trong ấy, chẳng bỏ sót họ. Chúng ta nghĩ tới những điều Thiện Đạo đại sư đã nói trong Quán Kinh, Ngài chẳng nói theo cách này. Thiện Đạo đại sư bảo: Thượng thượng phẩm cũng là phàm phu vãng sanh, chỉ là do gặp duyên khác nhau [mà có phẩm vị vãng sanh sai khác. Nói cách ấy đã] nâng Tịnh Độ Tông lên địa vị so với bất cứ pháp môn nào cũng đều cao hơn, đều thù thắng hơn. Chư vị phải hiểu: Cả hai vị này đều là tổ sư của Tịnh Độ Tông, nhưng sanh vào các thời đại có bối cảnh khác nhau, cho nên phương tiện thiện xảo để tiếp dẫn đại chúng khác nhau. Từ chỗ này, chúng ta thấy trí huệ và thủ pháp (cách thức, kỹ xảo) để tiếp dẫn chúng sanh của các Ngài hết sức cao minh. Thời đại của Liên Trì đại sư gần giống như thời đại của Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư, tức là nhằm thời đại Thiền Tông vô cùng hưng vượng, Tịnh Độ Tông bị kẻ bình phàm khinh dễ. Vì [người đời thường nghĩ] Tịnh Độ Tông chỉ biết niệm Phật, ít suy khảo, giảng rõ giáo lý; xã hội có sự hiểu lầm rất lớn đối với Tịnh Tông [như thế đó]. Do vậy, cách nói của các Ngài (Vĩnh Minh, Liên Trì) là vừa đề cao Thiền, vừa nâng cao Tịnh Độ, dùng phương thức ấy. Tình hình trong thời đại Thiện Đạo đại sư khác hẳn, Thiện Đạo đại sư là người đời Đường. Các tông phái được kiến lập còn chưa lâu lắm, vẫn chưa hình thành một thế lực rất lớn. Do vậy, thời Ngài chẳng có trạng huống Thiền Tông cường thịnh như sau này, Ngài nói toàn lời chân thật. Ngài bảo chúng ta: Không chỉ là phàm phu, mà còn là phàm phu tạo tác ác nghiệp, nếu thật sự triệt để sám hối, cũng có thể vãng sanh trong bậc thượng. Từ kinh điển, thật sự tìm được chứng cứ cho lời Ngài nói; trong

kinh điển có [những chứng cứ ấy]. Có thể thấy là Thiện Đạo đại sư chẳng xử sự bộp chộp, chẳng nói tùy tiện, mà xác thực là có kinh luận để làm căn cứ. Chúng ta phải biết lưu ý những chỗ như thế này, hãy nên học tập.

**(Sao) Hựu vân: Viên cơ thể đạo, thị tối thượng tịnh nghiệp. Cầu gia nguyện dĩ đạo chi, tức dự ưu phẩm.**

**(鈔)又云：圓機體道，是最上淨業，苟加願以導之，即預優品。**

**(Sao: Lại nói: Căn tánh Viên Giáo thấu hiểu đạo chính là tịnh nghiệp tối thượng. Nếu dùng thêm nguyện để hướng dẫn, sẽ dự vào phẩm vị thù thắng).**

“Ưu” (優) có nghĩa là ưu việt (優越). Phẩm vị ưu việt là nói tới thượng phẩm thượng sanh. “Viên cơ” (圓機) là căn cơ Viên Giáo, người ấy hết sức thông minh; nói theo Thiền Tông thì là bậc lợi căn, thượng căn lợi trí, vừa nghe Phật pháp bèn có thể ngộ nhập. “Thể” (體) là thấu hiểu, chúng ta thường nói là “khai ngộ”. Người ấy vừa nghe liền khai ngộ, người như vậy niệm Phật vãng sanh đương nhiên là thượng thượng phẩm vãng sanh. Tịnh nghiệp tối thượng, lại còn thêm nguyện, tin thì đương nhiên là người ấy có thể tin. Đã hiểu, lẽ đâu chẳng tin? Nếu người ấy phát nguyện vãng sanh, nhất định sẽ là thượng phẩm thượng sanh, lập tức đạt tới phẩm vị rất cao.

**(Sao) Ngu phác chi bối, dẫn xưng Phật phát nguyện giả diệt sanh.**

**(鈔)愚朴之輩，但稱佛發願者亦生。**

**(Sao: Kẻ ngu độn, chất phác, chỉ xưng danh hiệu Phật, phát nguyện, cũng được vãng sanh).**

“Ngu” (愚) là ngu si, chẳng có thông minh và trí huệ. Không chỉ là nghe pháp chẳng thể khai ngộ, dẫu quý vị giảng kinh cho kẻ ấy tỉ mỉ đến mấy đi nữa, kẻ ấy vẫn chẳng thể khai ngộ. Con người có hai loại căn tánh:

1) Bậc thượng căn dễ dạy; nghe một, ngộ cả ngàn, hết sức dễ dạy, người ấy có thể thành tựu. Kẻ hạ căn cũng rất dễ dạy, vì sao? Chẳng cần nói rườm rà, chẳng cần nói chi hết, cứ dạy kẻ ấy thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, người ấy bèn thật sự làm, trong tương lai cũng nhất định vãng sanh. “Duy thượng trí dữ hạ ngu bất di” (Chỉ có kẻ thượng trí và hạ

ngu là chẳng lay chuyển ý chí). Hai hạng người ấy là căn khí, đều rất dễ thành tựu.

2) Còn ở giữa là hạng lơ lửng, thượng chẳng phải là thượng, hạ chẳng phải là hạ, loại người này phiền phức lắm! Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm chính là vì những kẻ nửa vời ấy (thượng căn và hạ ngu chẳng cần [phải giảng dạy nhiều], rất đơn giản, do mấy câu bèn hiểu rõ, đều đặc độ). Những kẻ [lơ lửng nửa vời] ấy hết sức rắc rối, lăm vọng tưởng, tri kiến phức tạp, phiền não, chấp trước, làm cho họ nghe rõ ràng, nghe xong thấu hiểu đều rất khó khăn. Phật còn cảm thấy [hóa độ những kẻ đó] khó khăn, huống hồ là những kẻ kém hơn Phật! Phàm phu chúng ta chẳng có cách nào đối với những kẻ ấy, muốn cho họ tin tưởng là chuyện quá khó thể xảy ra. Làm như thế nào? Quý vị cũng không cần phải lo lắng, cũng chớ nên xử sự theo cảm tình, từ bi quá lố.

Nhất định là phải dùng lòng nhẫn nại đề độ chính mình trước, chính mình đã tới Tây Phương Cực Lạc thế giới trước, sau khi đã đến đó mới quay lại, trở lại độ họ. Trở lại sẽ khác hẳn! Trí huệ của quý vị khác hẳn, phương tiện độ chúng sanh thiện xảo hơn nhiều. Vì sao? Học từ chỗ A Di Đà Phật. Hết thấy chúng sanh, bất luận luân hồi trong đường nào, quý vị đều nhận biết, chỉ cần chính mình có trí huệ, có năng lực, quý vị thời thời khắc khắc đều có thể giúp đỡ họ. Vì vậy, độ chúng sanh không vội vã [phải độ ngay] trong một thời, phải nhận biết thời tiết nhân duyên. Thời tiết nhân duyên chưa chín muồi, [cứ khăng khăng độ họ] sẽ chẳng có tí ti hữu dụng nào. Ất cần phải đến khi duyên đã chín muồi, họ mới có thể tiếp nhận.

***(Sao) Quán Tịnh Độ nhất môn, tặc thánh nhân vô khí vật dã.***

***(鈔)觀淨土一門，則聖人無棄物也。***

***(Sao: Nhìn vào pháp môn Tịnh Độ, biết là thánh nhân chẳng bỏ một chúng sanh nào).***

Chỉ rõ pháp môn Tịnh Độ rộng lớn, pháp môn Tịnh Độ thù thắng. Đối tượng chúng sanh được độ bởi pháp môn này, trên bao gồm bậc Đẳng Giác Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền đều phải phát nguyện vãng sanh, dưới là cho đến chúng sanh trong địa ngục, hoặc ba ác đạo. Trong ba ác đạo, khổ nhất là địa ngục, chỉ cần họ một niệm hồi tâm, bằng lòng cầu sanh Tịnh Độ, lâm chung mười niệm hoặc một niệm cũng nhất định được vãng sanh. Đó là nguyện thứ mười tám của A Di Đà Phật. Cổ đại đức tán thán A Di Đà Phật vĩ đại nhất là do nguyện thứ mười tám, mười phương hết thấy chư

Phật Như Lai tôn kính A Di Đà Phật nhất cũng vì nguyện thứ mười tám. Vì sao? Vì có nguyện ấy mà hết thấy chúng sanh đều đặc độ, có thể nói là “chẳng sót một ai!” Chỉ cần quý vị chịu vãng sanh, chẳng chịu vãng sanh thì chẳng có cách nào cả! Chỉ cần chịu vãng sanh, sẽ [được vãng sanh] chẳng sót một ai. Cổ đức bảo: “*Vạn người tu, vạn người đến*”.

**(Sao) Ân sở vân chánh quán, thông hồ thượng trung.**

**(鈔)按所云正觀，通乎上中。**

*(Sao: Xét ra, Chánh Quán như đã nói chính là áp dụng cho bậc thượng và bậc trung).*

Đối với bậc thượng và bậc trung thì phương pháp tu hành là Chánh Quán.

**(Sao) Sở vân trợ hạnh, thông hồ trung hạ.**

**(鈔)所云助行，通乎中下。**

*(Sao: Trợ hạnh như đã nói thích hợp cho bậc trung và bậc hạ).*

Từ kinh điển chúng ta đọc thấy, bậc thượng do Lý nhất tâm bất loạn mà sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, bậc trung đoạn Kiến Tư phiền não sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, bậc hạ đối nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Tuy có bốn cõi và chín phẩm sai biệt, nhưng quý vị nhất định phải hiểu rõ: Bốn cõi của thế giới Tây Phương xếp hàng ngang, dung hợp cùng một chỗ. Vì thế, xác thực là bản thân người trong thế giới Tây Phương chẳng cảm nhận có sự tồn tại của phẩm vị trong bốn cõi, chẳng có ý niệm ấy. Trên sự thật, xác thực là có bốn cõi chín phẩm tồn tại, nhưng chẳng có giới hạn.

**(Sao) Hữu pháp sư thử luận cực thiện, quán giả vô hốt.**

**(鈔)有法師此論極善，觀者毋忽。**

*(Sao: Có luận định tốt lành tột bậc của vị pháp sư ấy, người xem [sách này] chớ nên sơ sót).*

Pháp sư Chí Nhãn nói như vậy, lời khai thị ấy hết sức trọng yếu, có thể giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín, tăng trưởng tín tâm.

**(Sớ) Hữu ngôn cứu phẩm, bát tòng liên sanh, dĩ đệ nhất phẩm vân kim cang đài cố. Kim tham hợp kinh luận, nhưng dĩ cứu phẩm giai thuộc liên sanh.**

**(疏)有言九品，八從蓮生，以第一品云金剛臺故。今參合經論，仍以九品皆屬蓮生。**

*(Sớ: Có kẻ nói trong chín phẩm, có tám phẩm là sanh trong hoa sen, vì [Quán Kinh] nói phẩm thứ nhất là đài kim cang. Nay tham chiếu, phối hợp các kinh luận, vẫn nói là chín phẩm đều sanh trong hoa sen).*

Điều khó khăn nhất [trong việc lãnh hội] kinh Phật là chấp trước văn tự. Kinh Phật chẳng thể lìa khỏi văn tự, nhưng cũng chớ nên chấp trước văn tự. Lìa khỏi văn tự, chính là ma thuyết; chấp trước văn tự sẽ hiểu lệch lạc ý kinh, hiểu sai be bét ý nghĩa của Phật. Do vậy, trước khi nhập diệt, đức Thế Tôn dạy người đời sau Tứ Y Pháp. Đây là dạy chúng ta: Đức Phật chẳng còn tại thế, chúng ta học Phật nương cậy kinh điển, phải dùng tâm thái như thế nào thì mới chẳng hiểu sai ý Phật. Đức Phật dạy chúng ta Tứ Y (四依: bốn chỗ nương tựa):

1) Câu đầu tiên là “*y pháp, bát y nhân*”, Pháp là kinh điển, nói tách bạch: Kinh điển mới là chỗ quy y thật sự, là chỗ để chúng ta nương tựa tu hành trong suốt một đời. Trong Tứ Thiếp Sớ, Thiện Đạo đại sư cũng đặc biệt nhấn mạnh quan điểm này! Dầu là La Hán, Bồ Tát hoặc Đăng Giác Bồ Tát giảng giải cho chúng ta mà mâu thuẫn, chẳng giống với ý nghĩa trong kinh Phật, chúng ta đều chớ nên tuân thủ, đều chớ nên nghe theo! Nhất định là phải lấy kinh làm căn cứ. Trong bản chú giải này, đại sư đặc biệt nhấn mạnh, chúng ta phải biết “*y pháp, bát y nhân*”.

2) Thứ hai, đức Phật dạy chúng ta “*y nghĩa, bát y ngữ*”, “*ngĩa*” là ý nghĩa do đức Phật đã giảng, quý vị phải hiểu rõ, còn ngôn từ Phật sử dụng chẳng quan trọng. “*Ngữ*” được ghi chép lại thành văn tự, nay ta gọi là “*kinh điển*”. Văn tự bất quá là phù hiệu ngôn ngữ mà thôi, dùng phù hiệu để biểu thị, dùng ngôn ngữ ghi chép xuống. Vì thế, chúng ta phải y nghĩa, “*ngữ*” chẳng quan trọng! Nhiều thêm mấy câu, hay ít đi mấy câu, chẳng sao hết! Chỉ cần đúng ý nghĩa là được rồi, đây là một tiêu chuẩn trọng yếu!

3) Điều thứ ba, càng quan trọng hơn nữa. So trong bốn câu, mỗi câu sau càng quan trọng hơn câu trước: “*Y liễu nghĩa, bát y bất liễu nghĩa*”. Như thế nào thì mới là “*liễu nghĩa*”? Có thể giúp chúng ta thật sự vượt thoát luân hồi, vĩnh viễn đoạn sanh tử, thành Phật, làm Tổ ngay trong một đời này, thì cách thức hoặc khai thị ấy được gọi là “*liễu nghĩa*”. Hết thấy

các kinh Đại Thừa do đức Phật đã giảng đều nhằm vào mục tiêu này. Lý chẳng sai, nhưng bản thân ta có đủ trình độ hay không? Kinh liễu nghĩa rất nhiều, chúng ta hãy quan sát cận kề một phen, kinh liễu nghĩa nào có thể phù hợp căn tánh của chúng ta? Đối với người khác, kinh này là liễu nghĩa, nhưng đối với căn tánh của chúng ta thì là bất liễu nghĩa, chẳng có tác dụng. [Nếu ta] học pháp môn khác mà chẳng thể liễu sanh tử, cũng chẳng thể thoát tam giới, đối với ta mà nói thì pháp môn ấy chẳng liễu nghĩa! Vì thế, vào thời kỳ Mật Pháp, trong hết thảy các kinh, thật sự có thể giúp chúng ta liễu sanh tử, thoát tam giới ngay trong một đời này chính là ba kinh Tịnh Độ. Trừ ba kinh ấy ra, quý vị mong liễu sanh tử, thoát tam giới, sẽ chẳng đơn giản như vậy, chắc chắn là kẻ bình phàm chẳng thể làm được! Trừ phi quý vị là thiên tài, là bậc thượng thượng căn, hoặc là bậc tái lai thì chẳng cần phải nói năng chi nữa, có thể thành tựu! Kẻ căn tánh trung hạ căn chẳng có cách nào liễu sanh tử, chỉ còn cách niệm Phật đời nghiệp vãng sanh. Vì thế, kinh điển này là liễu nghĩa rất ráo, là liễu nghĩa viên mãn. Vì sao gọi nó là viên mãn rất ráo? Trong hội Hoa Nghiêm, Văn Thù, Phổ Hiền, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đó là những vị thượng thượng căn, các Ngài cũng học pháp môn này. Kẻ hạ hạ căn, ác đạo chúng sanh, không điều ác nào chẳng tạo, lâm chung gặp thiện tri thức, chí tâm sám hối, mười niệm cũng có thể vãng sanh, thích hợp khắp ba căn, gồm thâm trọc vện lợi căn và độn căn. Do đó, pháp môn này là liễu nghĩa rất ráo, là liễu nghĩa viên mãn. Chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng: Chúng ta phải học kinh liễu nghĩa, chớ nên học kinh bất liễu nghĩa. Trong một đời này, chúng ta được làm thân người, thọ mạng chẳng dài! Đừng thấy thời gian mấy chục năm, hoặc thời gian một trăm năm [là lâu dài], khảy ngón tay một cái đã trôi qua! Tôi đã gần bảy mươi tuổi, ngẫm lại khi mười mấy tuổi, giống như chuyện mới [xảy ra trong] ngày hôm qua. Quý vị thấy [thời gian trôi qua] nhanh chóng lắm! Chẳng thể nào lại có bảy mươi năm nữa. Dẫu lại có bảy mươi năm nữa, cũng là khảy ngón tay một cái đã trôi qua! Thọ mạng của chúng ta quá ngắn, thời gian quá quý báu, lãng phí nơi kinh điển chẳng liễu nghĩa thì đáng tiếc quá! Vì thế, phải tập trung thời gian và tinh thần, chuyên tu, chuyên hoằng. Chuyên hoằng là chuyên tu, chuyên tu là chuyên hoằng, tự lợi và lợi tha là một, không hai. Đó là đúng. Vì thế nói: Y kinh liễu nghĩa, đừng y theo kinh chẳng liễu nghĩa.

4) Điều cuối cùng, đương nhiên càng quan trọng hơn. Đức Phật dạy chúng ta “*y trí, bất y thức*”. Đây là ban cho chúng ta một sự cảnh giác rất lớn, vì sao? Phàm phu cảm tình rất nặng, thường bị cảm tình lôi kéo! Biết

rành rành chỗ này chẳng liễu nghĩa, nhưng vì mấy người bạn thân của quý vị tin tưởng, họ đã tin tưởng, hôm nay người này đến khuyên quý vị, ngày mai người kia đến chào kéo, vì nể mặt, nể tình, chẳng thể nào không đi, hồng bát! Do vậy, đức Phật dạy chúng ta phải y trí, bất y thức. “*Trí*” là lý trí, “*Thức*” là cảm tình. Nương theo cảm tình, chẳng có ai không bị đọa lạc; nương theo trí thì mới có thể vượt thoát. Do vậy, chúng ta phải lấy lý tánh làm chủ tể, chớ nên xử sự theo cảm tình, đó là đúng, quý vị sẽ đi theo con đường chánh xác.

Đây chính là trước khi nhập Niết Bàn, đức Phật đã dặn dò chúng ta là lũ người đời sau bốn câu, gọi là Tứ Y Pháp. Bốn câu khai thị ấy, chúng ta thật sự hiểu rõ, xác thực là tuân thủ, sẽ chẳng khác gì có Phật bên cạnh, chẳng khác gì suốt ngày từ sáng đến tối theo sát bên Phật. Có thể thấy Thích Ca Mâu Ni Phật suy nghĩ rất chu đáo, đối với các thứ hoàn cảnh tạo ngộ của bọn học sinh trong ngàn vạn năm sau, Ngài đều liễu giải, đều dạy cho chúng ta phương pháp và nguyên tắc rất tốt đẹp, có thể ở trong hết thảy cảnh duyên mà đạo hạnh chẳng bị chướng ngại, chúng ta luôn có thể thành tựu. Đây là nguyên tắc rất cao, nhất định phải nắm vững; sau đó xem nhiều vấn đề chi tiết, tự nhiên sẽ hiểu rõ.

Ở đây, Liên Trì đại sư viết nhiều như thế, cho thấy: Cảnh duyên trong thế gian này hết sức phức tạp. Hoàn cảnh hiện thời so với những năm cuối triều Minh chỉ có [phức tạp, tệ hại] hơn, chứ chẳng có kém. Tuân thủ giáo huấn của tổ sư, tuân thủ nguyên tắc của Phật, Tổ, nay chúng ta vẫn có thể đột phá hoàn cảnh y như cũ. Đây cũng là lý do vì sao chúng ta phải đọc Sớ Sao, vì sao phải giảng Sớ Sao? Tông chỉ và mục đích ở ngay chỗ này. Trong đoạn này, trước hết nêu ra một vấn đề, vấn đề này phát xuất từ Quán Kinh. Đối với chín phẩm trong Quán Kinh, thượng phẩm nói là “*kim cang đài*”, chẳng nói hoa sen. Từ thượng phẩm trung sanh xuống đến hạ hạ phẩm đều nói là “*hóa sanh trong hoa sen*”. Người ấy (kẻ nêu ra thắc mắc đó) chấp trước văn tự. Trong tám phẩm có hoa sen, thượng phẩm chẳng có hoa sen, thắc mắc này sanh từ chỗ này. “*Kim tham hợp kinh luận*” (Nay tham chiếu và phối hợp kinh luận), ở đây, hễ tổ sư nói Luận [mà chẳng nói là bộ luận nào] thì đều là nhắc tới Vãng Sanh Luận. Chúng ta hợp ba kinh và một luận để xem, quý vị bèn hiểu rõ: Thượng thượng phẩm vãng sanh cũng có hoa sen, chẳng phải là kinh không nói, bèn chẳng có! Vì thế, đức Phật dạy chúng ta “*y nghĩa, bất y ngữ*”, câu này trọng yếu lắm. Đoạn văn kể tiếp rất dài, đều là gộp kinh và luận lại để xem xét, nhằm chỉ rõ chín phẩm đều là hóa sanh trong hoa sen. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.